TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 190/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 26 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông Mai Đăng T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số 58 N, tổ 63, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 58 N, tổ 63, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024, người yêu cầu là ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 đăng ký kết hôn năm 2009 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 17/02/2009).

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường

phát sinh cãi vả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là Mai Đăng Anh H, sinh ngày 19/10/2008 và Mai Ngọc Bảo U, sinh ngày 08/11/2013. Ly hôn, ông bà thoả thuận về vấn đề con chung như sau:

Giao hai con chung Mai Đăng Anh H, sinh ngày 19/10/2008 và Mai Ngọc Bảo U, sinh ngày 08/11/2013 cho ông Mai Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phạm Thị T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/9/2024.

[3] Về tài sản chung: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002792 ngày 06/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/02/2009 không còn giá trị pháp lý).

* Về con chung: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là Mai Đăng Anh H, sinh ngày 19/10/2008 và Mai Ngọc Bảo U, sinh ngày 08/11/2013. Ly hôn, ông bà thoả thuận về vấn đề con chung như sau:

Giao hai con chung Mai Đăng Anh H, sinh ngày 19/10/2008 và Mai Ngọc Bảo U, sinh ngày 08/11/2013 cho ông Mai Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phạm Thị T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/9/2024.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về tài sản chung: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về nợ chung: Ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Mai Đăng T và bà Phạm Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002792 ngày 06/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường N, q. S, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa